

Số: 2396/TB-DAP2

Lào Cai, ngày 18 tháng 12 năm 2025

THÔNG BÁO
MỜI CHÀO HÀNG CẠNH TRANH

Kính gửi:

Bên mời chào hàng - Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem tổ chức mời chào hàng cạnh tranh Gói mua sắm Cung cấp Lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nấu ăn năm 2026 cho Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

Nhà cung cấp có nguyện vọng tham gia chào hàng được nhận miễn phí 01 bộ Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh từ 08 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 12 năm 2025 đến trước 10h00 ngày 23 tháng 11 năm 2025 (trong giờ hành chính, sáng từ 07 giờ 30 đến 11 giờ 30 - chiều từ 13 giờ 30 đến 16 giờ 30). Tại địa điểm sau:

1. Trụ sở chính: Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem

Địa chỉ: Thôn 6, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai

Điện thoại: 0214.3767048 - Fax: 0214.3767047

Hồ sơ đề xuất sẽ được mở công khai vào 10h15 (giờ Việt Nam), ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem.

Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem kính mời đại diện nhà cung cấp tới tham dự lễ mở thầu theo thời gian và địa điểm nêu trên./. ✍

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Tổng Giám đốc (đề b/c);
- Lưu: TCHC.

ĐẠI DIỆN BÊN MỜI CHÀO HÀNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Việt Tiến

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỒ SƠ YÊU CẦU

Tên gói mua sắm: Cung cấp Lương thực, thực phẩm,
nguyên liệu nấu ăn năm 2026

Địa điểm thực hiện: Nhà máy DAP Lào Cai – Khu công nghiệp Tăng Loóng
(Ban hành theo Quyết định số: 2395/QĐ-DAP2 ngày 18 tháng 12 năm 2025)

Lào Cai, ngày 18 tháng 12 năm 2025
Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem

Tổng giám đốc 

Vũ Việt Tiên

PHẦN A - CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

CHƯƠNG I. YÊU CẦU CHUNG

I. TỔNG QUÁT

Mục 1. Nội dung gói mua sắm

Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem Kính mời nhà cung cấp tham gia chào hàng gói mua sắm "Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nấu ăn năm 2026" với nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi chào hàng: (Xem Bảng dữ liệu yêu cầu chào hàng tại Chương II Phần A).

Nhà thầu phải chào toàn bộ nội dung thực hiện của gói mua sắm mới được chấp nhận.

2. Khối lượng chào hàng, yêu cầu kỹ thuật và dịch vụ kỹ thuật (Xem Bảng dữ liệu yêu cầu chào giá tại Chương II Phần A).

3. Địa điểm thực hiện: Bếp ăn tập thể tại Nhà máy DAP Lào Cai – Khu công nghiệp Tầng Loỏng.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng.

5. Hình thức hợp đồng: Theo đơn giá cố định

6. Nguồn vốn: Vốn sản xuất kinh doanh.

Mục 2. Điều kiện tham gia chào giá của nhà thầu

Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh (đáp ứng yêu cầu có: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký thuế) chỉ được tham gia trong một Hồ sơ chào hàng (HSCH) với tư cách là nhà thầu độc lập.

Mục 3. Chi phí dự thầu

Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu, kể từ khi nhận Hồ sơ yêu cầu (HSYC) cho đến khi công bố kết quả trúng thầu, riêng đối với Nhà thầu trúng thầu tính đến khi ký hợp đồng.

Mục 4. Khảo sát hiện trường, cung cấp tài liệu kỹ thuật công nghệ liên quan

1. Nhà thầu có thể khảo sát hiện trường các công việc thực hiện phục vụ cho việc lập hồ sơ chào hàng, Bên mời thầu sẽ tạo điều kiện, hướng dẫn nhà thầu đi khảo sát hiện trường;

2. Bên mời thầu không chịu trách nhiệm pháp lý về những rủi ro đối với nhà thầu phát sinh từ việc khảo sát hiện trường như tai nạn, mất mát tài sản và các rủi ro khác.

II. Chuẩn bị hồ sơ chào hàng:

Mục 5. Giá chào:

- Giá chào mua sắm bằng Đồng Việt Nam; giá chào đã bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan và là đơn giá cuối cùng Bên mời thầu phải trả cho nhà thầu khi thực hiện thanh toán giá trị của hợp đồng.

- Đơn giá chào là cố định để thương thảo hợp đồng. Sau 3 tháng thực hiện hợp đồng, nếu giá cả thị trường có biến động lớn (chênh lệch từ 5% trở lên) so với giá chào của nhà thầu thì hai bên thỏa thuận bằng văn bản để thống nhất đơn giá điều chỉnh.

- Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với hồ sơ chào giá hoặc nộp riêng song phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá.

Mục 6. Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào hàng

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào hàng là 30 ngày kể từ thời điểm đóng thầu kể từ 10h ngày / /2025.

kể từ 10h ngày / /2025.

Mục 7. Quy cách của Hồ sơ chào hàng

Nhà thầu phải chuẩn bị 01 bản gốc bao gồm:

- Biểu chào hàng (theo Mẫu số 1 Phần C);
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký thuế, hồ sơ đảm bảo các điều kiện ATVSTP của nhà thầu.

III. Nội dung hồ sơ chào hàng:

Mục 8. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSCH

1. Hồ sơ chào hàng phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách niêm phong do nhà thầu tự quy định). Cách trình bày các thông tin trên túi đựng HSCH được quy định như sau:

- Người gửi: (Tên của Nhà thầu).
- Địa chỉ nộp: Phòng tổ chức hành chính - Công ty CP DAP số 2- Vinachem.
- Thôn 6, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai
- ĐT: 0214.3767048 – Fax: 0214.3767047

Tên gói thầu: Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nấu ăn năm 2026.

Mục 9. Thời hạn nộp Hồ sơ chào hàng:

Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi Hồ sơ chào hàng đến địa chỉ của bên mời thầu nhưng phải đảm bảo bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu 10 giờ 00 phút ngày / /2025.

IV. Mở thầu và đánh giá Hồ sơ chào hàng:

Mục 10. Mở thầu

Bên mời thầu sẽ tiến hành mở Hồ sơ chào hàng công khai ngay sau thời điểm đóng thầu (10 giờ 00 ngày / /2025) tại Trụ sở - Công ty cổ phần DAP số 2- Vinachem; trước sự chứng kiến của những người có mặt và không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của các nhà thầu được mời.

Mục 11. Đánh giá Hồ sơ chào hàng:

Xem tại phần B (Tiêu chuẩn đánh giá và đánh giá HSCH)

V. Trúng thầu:

Mục 12. Điều kiện đối với nhà thầu được đề nghị trúng thầu:

- Nhà thầu được xem xét đề nghị trúng thầu nếu: Hồ sơ chào hàng đáp ứng được các điều kiện, có giá dự thầu không vượt giá dự toán gói thầu được duyệt và có giá thấp nhất.

- Trường hợp có từ 02 Nhà thầu trở lên có tổng giá trị giá dự thầu bằng nhau sẽ mời 02 Nhà thầu vào để đàm phán, thương thảo.

Mục 14. Thông báo kết quả đấu thầu:

Bên mời thầu thông báo kết quả đấu thầu bằng văn bản cho tất cả các nhà thầu tham gia nộp Hồ sơ chào hàng sau khi có quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu. Đối với nhà thầu trúng thầu sẽ được ghi rõ thời gian, địa điểm tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng.

CHƯƠNG II. Bảng dữ liệu yêu cầu chào hàng

I. Khối lượng lương thực, thực phẩm và nguyên liệu nấu ăn:

STT	Tên mặt hàng	Mã HH	ĐVT	Khối lượng/năm	Ghi chú
NHÓM: CÁ					
1	Cá chim (mọi ruột, cắt đầu hết mang)	C.chim	Kg	2.651	Cá tươi, nặng $\geq 700g$
2	Cá rô (mọi ruột, cắt đầu hết mang)	C.rô	Kg	475	Cá tươi, nặng $\geq 1000g$
3	Cá chép mổ sạch bỏ mang	C.chép	Kg	506	Cá tươi, nặng $\geq 1300g$
4	Cá lục khô	Cá.Lục	Kg	300	Cá khô, chắc thịt không thối hỏng
5	Cá cơm khô nhạt	Cá.comnhạt	Kg	186	
6	Cá lục biển đông lạnh	Cluc.Đlanh	Kg	615	Đã đông, không nhũn, hỏng
7	Cá suối	Cá.suối	Kg	264	Cá tươi, mình chắc, đàn hồi tốt
NHÓM: THỊT					
1	Gà mình dư mổ sạch (bỏ đầu, chân, phổi)	Gà.mdu	Kg	2.113	Tươi ngon, sạch sẽ, không điềm mỡ
2	Thịt ngan mổ sạch	T.ngan	Kg	549	
3	Thịt lợn móng vai sấn	T.lõnmvai	Kg	8.881	
4	Thịt ba chỉ	T.bachi	Kg	623	
5	Thịt nạc	T.nạc	Kg	230	
6	Sườn bộ	Sườn.bộ	Kg	960	
7	Mọc	Mọc	Kg	165	
8	Thịt bò A tươi	T.bò	Kg	234	
9	Thịt dải sườn bò	Dải.bò	Kg	553	
10	Ruột ốc nhạt sạch	R.ốc	Kg	125	
11	Xương canh	Xg.canh	Kg	45	
12	Xương ống tổng hợp	Xg.ốngTH	Kg		

				1.391	
NHÓM : TRỨNG					
1	Trứng gà đỏ	Trg.gàđỏ	Quả	30.200	Trứng to nhiều lòng đỏ, không ung hỏng
2	Trứng vịt	Trg.vịt	Quả	7.917	
3	Trứng vịt lộn	Trg.Vịtlộn	Quả	19.498	Trứng to, không ung hỏng
NHÓM: GẠO					
1	Gạo tám thơm	Gạo.Tám	Kg	25.113	
2	Gạo nếp điện biên loại 1	Gạo.ĐBL1	Kg	23	
NHÓM: CHẾ BIẾN SẴN					
1	Bún, phở tươi	BP.tươi	Kg	5.363	Đúng chủng loại, có bao bì, nhãn mác, hạn sử dụng
2	Mì tôm komi 90g	komi90g	Gói	15.514	
3	Giò lụa	Giò.lụa	Kg	998	Tươi ngon, mới chế biến
4	Đậu phụ	Đphụ	Kg	3.739	
NHÓM: GIA VỊ					
1	Bột canh hải châu	BộtcanhHC	Gói	501	Đúng chủng loại, có bao bì, nhãn mác, hạn sử dụng
2	Ca ri bơ	Cari	Gói	691	
3	ngũ vị hương	Ngũ vị	Gói	627	
4	Dầu ăn orchid	Orchid	Lít	3.276	
5	Đường hoa mai	Đ.Hmai	Kg	358	
6	Muối hạt tinh sạch loại 0.5kg/túi	Muối	Túi	880	
7	Mỳ chính vedan	Vedan	Kg	322	
8	Hạt nêm vedan	Ajngon	Kg	420	
9	Nước mắm Nam Ngư chai 900ml	Namngu	Chai	2.169	
10	Tiêu bột	Tieu	Kg	21	
11	Bột nghệ	Nghệ	Kg	3	

12	Bột chiên giòn	B.chiên	Kg	55	
13	Tương ớt	Tgot	Lít	175	
14	Dấm gạo	Dấm.G	Chai	122	
NHÓM: ĐỒ KHÔ					
1	Ớt bột khô	Ớt.Bộtk	Kg	5	Đúng chủng loại, khô ráo, không thối, hỏng, mốc
2	Hạt điều	H.điều	Kg	5	
3	Quế khô	Quế	Kg	2	
4	Hoa hồi	Hồi	Kg	2	
5	Thảo quả	T.quả	Kg	2	
6	Hành khô	H.khô	Kg	261	
7	tỏi khô	T.khô	Kg	216	
8	Gừng củ	Gừng	Kg	140	
9	Lạc đỏ	L.đỏ	Kg	918	
10	Miến khô	Miến	Kg	1	
11	Măng khô	Mg.khô	kg	3	
12	Chân nấm khô	C.nấmkhô	Kg	87	
NHÓM: PHỤ KHÁC					
1	Tăm VIP	Tăm	ví	56	Đúng chủng loại, có bao bì, nhãn mác, hạn sử dụng
2	Dầu rửa sunlight	Sunlight	Lít	1.377	
3	Dây buộc	Dây	Kg	19	
4	Gang tay linong	G.tay	Hộp	359	
5	Giấy vuông	Giấy.Vg	Dây	138	
6	Túi bóng xanh	Túi.bg	Kg	221	
NHÓM: RAU					
1	Su hào	Su.H	Kg	907	Tươi ngon, đúng vụ, sạch,

2	Bắp cải	Bắp.C	Kg	3.338	không thuộc bảo vệ thực vật, không chất kích thích sinh trưởng
3	Cải thảo	C.Thảo	Kg	2.603	
4	Cải ngồng	C.Ngồng	Kg	1.674	
5	Rau cải canh	C.canh	Kg	631	
6	Rau cải cúc	C.Cúc	Kg	331	
7	Cải xanh	C.xanh	Kg	215	
8	Cải mầm	C.mầm	Kg	220	
9	Cải chíp	C.chíp	Kg	325	
10	Rau mùng tơi	Rmg.tơi	Kg	874	
11	Rau tâm bóp	T.bóp	Kg	157	
12	Su su	Susu	Kg	2.702	
13	Rau dền	R.dền	Kg	162	
14	Dưa chuột	d.chuột	Kg	165	
15	Cà tím	C.tím	Kg	597	
16	Bí ngô	Bí.ngô	Kg	234	
17	Bí đao	Bí.Đ	Kg	1.327	
18	Mướp ngọt	Mướp	Kg	774	
19	Bí ngô non	Bí non	Kg	196	
20	Đỗ bèo	Đ.bèo	Kg	461	
21	Dưa cải bẹ muối chua	D.chua	Kg	1.233	
22	Giá đỗ xanh	G.Đxanh	Kg	961	
23	Chuối xanh	Ch.xanh	Kg	969	
24	Hành hoa	H.hoa	Kg	765	
25	Hành tây	H.tây	Kg	361	

26	Lơ xanh	Lơ.xh	Kg	7
27	Măng nứa luộc sẵn	Mg.nứa	Kg	406
28	Lá lốt	L.lốt	Kg	23
29	Sả củ	Sả	Kg	138
30	Giềng xay	G.xay	Kg	85
31	Ớt kim	Ớ.quả	Kg	154
32	Rau ngót	R.ngót	Mớ	933
33	Rau muống	R.muống	Kg	2.208
34	Rau mùi	R,mùi	Kg	11
35	Bầu quả	Bầu	Kg	1.399
36	Khoai tây	K.tây	Kg	2.345
37	Cà rốt	C.rốt	Kg	339
38	Cần tỏi tây	C.tỏi	Kg	105
39	Chanh quả xanh	Ch.qxanh	Kg	877
40	Cà chua	C.chua	Kg	1.862
41	Thì là	T.là	Kg	1
42	Mùi tàu	M.tàu	Kg	88
43	Tía tô	T.tô	Kg	50
44	Mẻ	mẻ	Kg	32
45	Rau răm	R.răm	Kg	28
46	Rau thơm	R.thom	Kg	197
47	Sầu quả	Sầu.q	Kg	58
48	Rau xà lách	R.xlach	Kg	527
49	Rau húng xoăn	R.húng	Kg	149

II. Yêu cầu về chất lượng:

- Tất cả các mặt hàng lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nấu ăn đều phải đảm bảo các điều kiện về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Các mặt hàng phải đạt được tiêu chuẩn cơ bản khi đánh giá về cảm quan (màu sắc, mùi vị, trạng thái, bảo quản, nhãn mác, bao bì, hạn sử dụng ...).

- Mọi hàng hóa không rõ nguồn gốc xuất xứ hoặc không đạt các tiêu chí đánh giá cảm quan ban đầu thì đều không đạt yêu cầu về chất lượng.

PHẦN B: TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHÀO HÀNG

I. Các điều kiện tiên quyết:

Hồ sơ chào hàng sẽ bị loại bỏ và không được xem xét tiếp nếu thuộc một trong các điều kiện tiên quyết sau:

- Không có bản gốc Hồ sơ chào hàng;

- Hiệu lực của Hồ sơ chào hàng không bảo đảm yêu cầu theo quy định trong HSYH;

- Hồ sơ chào hàng không chào hết các đầu mục công việc.

II. Tiêu chuẩn đánh giá và đánh giá Hồ sơ chào hàng:

Đánh giá sơ bộ HSCH:

- Kiểm tra điều kiện hoạt động của nhà thầu: Theo Mục 2 Phần A.

- Kiểm tra tính hợp lệ và sự đầy đủ của Hồ sơ chào hàng: Theo Mục 5 Phần A.

- Kiểm tra các điều kiện tiên quyết nêu trong Hồ sơ chào hàng: Theo Khoản I phần B.

Nhà thầu đạt yêu cầu khi tất cả các điều kiện đều phải “đạt” so với yêu cầu đề ra của HSYC và được chuyển sang đánh giá về mặt kỹ thuật.

1. Đánh giá về yêu cầu khác:

STT	Nội dung yêu cầu	Nhà cung cấp đáp ứng
1.	Thời hạn hiệu lực của thư chào giá: 30 ngày kể từ thời điểm đóng thầu kể từ 10h ngày / /2025	
2.	Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đăng ký thuế, Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATVSTP, danh sách trích ngang nhân viên, người quản lý và giấy chứng nhận tập huấn ATVSTP tương ứng với từng cá nhân.	
3.	Phạm vi chào giá: Nhà thầu phải chào toàn bộ khối lượng, phạm vi công việc thực hiện của gói thầu.	
4.	Yêu cầu về thời gian giao hàng: - Nhà thầu đảm bảo việc giao hàng theo thời gian yêu cầu của Bên mời thầu 24/24h (3 ca) tất cả các ngày. Hàng ngày bên mời thầu thông báo kế hoạch tổ chức nấu ăn cho bên B để chủ động bố trí nguồn hàng. - Hàng ngày hai bên tiến hành giao nhận hàng, ghi nhận bằng văn bản. Trường hợp nhà thầu không đảm bảo tiến độ giao hàng theo quy định thì nhà thầu sẽ bị phạt (khấu trừ vào thanh toán hàng tháng). Mức tiền phạt bằng 20% giá trị khối lượng thực	

	văn bản. Trường hợp nhà thầu không đảm bảo tiến độ giao hàng theo quy định thì nhà thầu sẽ bị phạt (khấu trừ vào thanh toán hàng tháng). Mức tiền phạt bằng 20% giá trị khối lượng thực hiện giao muợn.	
5.	<p>Yêu cầu và nhân lực:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà cung cấp chứng minh phương án huy động nhận lực tối thiểu 02 lao động (bằng hợp đồng lao động hoặc căn cước công dân bản copy) đáp ứng được yêu cầu về khối lượng, tiến độ hàng ngày của bên mời thầu về: cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nấu ăn khi bên mời thầu có nhu cầu để phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của bên mời thầu. - Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, trang bị, phương tiện bảo vệ cá nhân,... để thực hiện công việc và hoàn toàn chịu trách nhiệm về đảm bảo ATVSTP đối với nguồn hàng mình cung cấp; - Trong quá trình thực hiện công việc phải đảm bảo an ninh, trật tự, tài sản, vệ sinh môi trường; không được tự ý đi lại trong khu vực sản xuất; - Bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu, nếu làm mất, hư hỏng tài sản, vật tư hàng hóa hoặc tiết lộ bí mật thông tin. 	
6.	<p>Yêu cầu về nghiệm thu thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán mỗi tháng một lần: Thanh toán theo sản lượng nghiệm thu trong tháng trong vòng 20 ngày kể từ khi bên mời thầu nhận đủ chứng từ thanh toán gồm: Biên bản đối chiếu/nghiệm thu khối lượng hàng hóa trong tháng ký giữa đại diện hợp pháp của công ty và Nhà thầu; Bảng xác định giá trị thanh toán (Kèm theo Hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng), công văn đề nghị thanh toán; hóa đơn tài chính. - Thanh toán bằng chuyển khoản. 	
7.	Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	

Kết luận: Nhà thầu đạt yêu cầu khi tất cả các điều kiện đều phải “đạt” so với yêu cầu đề ra của HSYC và được chuyển sang đánh giá đánh giá.

2. Đánh giá về mặt tài chính:

- a) Giá nêu trong biểu chào hàng.
- b) Sửa lỗi và hiệu chỉnh: Theo Luật đấu thầu và nghị định hướng dẫn hiện hành.
- c) Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch ($=a+b+c$).
- d) Giảm giá (nếu có).
- e) Giá dự thầu sau sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá ($=d-e$)
- f) Xếp hạng Nhà thầu (theo nguyên tắc có giá nêu tại Điểm f từ thấp đến cao).

PHẦN C BIỂU MẪU KÈM THEO

1. Mẫu số 1: Biểu giá chào
2. Mẫu số 2: Hợp đồng.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIỂU CHÀO GIÁ

Gói mua sắm: Cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nấu ăn năm 2026

Kính gửi: Công ty cổ phần DAP số 2 - Vinachem (Bên A)

Chúng tôi:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....; Fax:.....;Email:.....

Sau khi nhận được hồ sơ yêu cầu của Quý Công ty, chúng tôi cam kết thực hiện gói thầu đúng theo yêu cầu của HSYC cụ thể:

I. Khối lượng và đơn giá chào giá:

	Tên mặt hàng	Mã HH	ĐVT	Khối lượng/năm	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
NHÓM: CÁ							
1	Cá chim (mọi ruột, cắt đầu hết mang)	C.chim	Kg	2.651			Cá tươi, nặng >=700g
2	Cá rô (mọi ruột, cắt đầu hết mang)	C.rô	Kg	475			Cá tươi, nặng >=1000g
3	Cá chép mổ sạch bỏ mang	C.chép	Kg	506			Cá tươi, nặng >=1300g
4	Cá lục khô	Cá.Lục	Kg	300			Cá khô, chắc thịt không thối hỏng
5	Cá cơm khô nhạt	Cá.comn hạt	Kg	186			
6	Cá lục biển đông lạnh	Cluc.Đla nh	Kg	615			Đã đông, không nhũn, hỏng
7	Cá suôi	Cá.suôi	Kg	264			Cá tươi, mình chắc, đàn hồi tốt
NHÓM: THỊT							
1	Gà mình dư mổ sạch (bỏ đầu, chân, phổi)	Gà.mdu	Kg	2.113			Tươi ngon, sạch sẽ, không điếm mỡ
2	Thịt ngan mổ sạch	T.ngan	Kg				

				549		
3	Thịt lợn móng vai sấn	T.lợnmv ai	Kg	8.881		
4	Thịt ba chỉ	T.bachi	Kg	623		
5	Thịt nạc	T.nạc	Kg	230		
6	Sườn bộ	Sườn.bộ	Kg	960		
7	Mọc	Mọc	Kg	165		
8	Thịt bò A tươi	T.bò	Kg	234		
9	Thịt dải sườn bò	Dải.bò	Kg	553		
10	Ruột ốc nhật sạch	R.ốc	Kg	125		
11	Xương canh	Xg.canh	Kg	45		
12	Xương ống tổng hợp	Xg.ốngT H	Kg	1.391		
NHÓM : TRỨNG						
1	Trứng gà đỏ	Trg.gàđỏ	Quả	30.200		Trứng to nhiều lòng đỏ, không ung hỏng
2	Trứng vịt	Trg.vịt	Quả	7.917		
3	Trứng vịt lộn	Trg.Vịtlộ n	Quả	19.498		Trứng to, không ung hỏng
NHÓM: GẠO						
1	Gạo tám thơm	Gạo.Tám	Kg	25.113		
2	Gạo nếp điện biên loại 1	Gạo.ĐB L1	Kg	23		
NHÓM: CHẾ BIẾN SẴN						
1	Bún, phở tươi	BP.tươi	Kg	5.363		Đúng chủng loại, có bao bì, nhãn mác, hạn sử dụng
2	Mì tôm komi 90g	komi90g	Gói	15.514		
3	Giò lụa	Giò.lụa	Kg	998		Tươi ngon, mới chế biến
4	Đậu phụ	Đphụ	Kg			

				3.739			
NHÓM: GIA VỊ							
1	Bột canh hải châu	Bộtcanh HC	Gói	501			Đúng chủng loại, có bao bì, nhãn mác, hạn sử dụng
2	Ca ri bơ	Cari	Gói	691			
3	ngũ vị hương	Ngũ vị	Gói	627			
4	Dầu ăn orchid	Orchid	Lít	3.276			
5	Đường hoa mai	Đ.Hmai	Kg	358			
6	Muối hạt tinh sạch loại 0.5kg/túi	Muối	Túi	880			
7	Mỳ chính vedan	Vedan	Kg	322			
8	Hạt nêm vedan	Ajngon	Kg	420			
9	Nước mắm Nam Ngư chai 900ml	Namngu	Chai	2.169			
10	Tiêu bột	Tieu	Kg	21			
11	Bột nghệ	Nghệ	Kg	3			
12	Bột chiên giòn	B.chiên	Kg	55			
13	Tương ớt	Tgot	Lít	175			
14	Dấm gạo	Dấm.G	Chai	122			
NHÓM: ĐỒ KHÔ							
1	Ớt bột khô	Ớt.Bộtk	Kg	5			Đúng chủng loại, khô ráo, không thối, hỏng, mốc
2	Hạt điều	H.điều	Kg	5			
3	Quế khô	Quế	Kg	2			
4	Hoa hồi	Hồi	Kg	2			
5	Thảo quả	T.quả	Kg	2			
6	Hành khô	H.khô	Kg	261			
7	tỏi khô	T.khô	Kg	216			

8	Gừng củ	Gừng	Kg	140		
9	Lạc đỏ	L.đỏ	Kg	918		
10	Miến khô	Miến	Kg	1		
11	Măng khô	Mg.khô	kg	3		
12	Chân nấm khô	C.nấmkhô	Kg	87		
NHÓM: PHỤ KHÁC						
1	Tăm VIP	Tăm	vi	56		
2	Dầu rửa sunlight	Sunlight	Lít	1.377		
3	Dây buộc	Dây	Kg	19		Đúng chủng loại, có bao bì, nhãn mác, hạn sử dụng
4	Gang tay linong	G.tay	Hộp	359		
5	Giấy vuông	Giấy.Vg	Dây	138		
6	Túi bóng xanh	Túi.bg	Kg	221		
NHÓM: RAU						
1	Su hào	Su.H	Kg	907		Tươi ngon, đúng vụ, sạch, không thuốc bảo vệ thực vật, không chất kích thích sinh trưởng
2	Bắp cải	Bắp.C	Kg	3.338		
3	Cải thảo	C.Thảo	Kg	2.603		
4	Cải ngồng	C.Ngồng	Kg	1.674		
5	Rau cải canh	C.canh	Kg	631		
6	Rau cải cúc	C.Cúc	Kg	331		
7	Cải xanh	C.xanh	Kg	215		
8	Cải mầm	C.mầm	Kg	220		
9	Cải chíp	C.chíp	Kg	325		
10	Rau mùng toi	Rmg.toi	Kg	874		
11	Rau tầm bóp	T.bóp	Kg	157		

12	Su su	Susu	Kg	2.702		
13	Rau dền	R.dền	Kg	162		
14	Dưa chuột	d.chuột	Kg	165		
15	Cà tím	C.tím	Kg	597		
16	Bí ngô	Bí.ngô	Kg	234		
17	Bí đao	Bí.Đ	Kg	1.327		
18	Mướp ngọt	Mướp	Kg	774		
19	Bí ngô non	Bí non	Kg	196		
20	Đỗ bèo	Đ.bèo	Kg	461		
21	Dưa cải bẹ muối chua	D.chua	Kg	1.233		
22	Giá đỗ xanh	G.Đxanh	Kg	961		
23	Chuối xanh	Ch.xanh	Kg	969		
24	Hành hoa	H.hoa	Kg	765		
25	Hành tây	H.tây	Kg	361		
26	Lơ xanh	Lơ.xh	Kg	7		
27	Măng nứa luộc sẵn	Mg.nứa	Kg	406		
28	Lá lốt	L.lốt	Kg	23		
29	Sả củ	Sả	Kg	138		
30	Giềng xay	G.xay	Kg	85		
31	Ớt kim	Ớ.quả	Kg	154		
32	Rau ngót	R.ngót	Mớ	933		
33	Rau muống	R.muống	Kg	2.208		
34	Rau mùi	R,mùi	Kg	11		
35	Bầu quả	Bầu	Kg	1.399		

36	Khoai tây	K.tây	Kg	2.345		
37	Cà rốt	C.rốt	Kg	339		
38	Cần tỏi tây	C.tỏi	Kg	105		
39	Chanh quả xanh	Ch.qxanh	Kg	877		
40	Cà chua	C.chua	Kg	1.862		
41	Thì là	T.là	Kg	1		
42	Mùi tàu	M.tàu	Kg	88		
43	Tía tô	T.tô	Kg	50		
44	Mé	mé	Kg	32		
45	Rau răm	R.răm	Kg	28		
46	Rau thơm	R.thơm	Kg	197		
47	Sấu quả	Sấu.q	Kg	58		
48	Rau xà lách	R.xlach	Kg	527		
49	Rau húng xoăn	R.húng	Kg	149		

Giá chào trên đã bao gồm tất cả các khoản thuế và các chi phí khác liên quan.

II. Cam kết các điều kiện khác theo HSYC:

STT	Nội dung yêu cầu	Nhà cung cấp điền (Đồng ý) vào yêu cầu tại mục II của biểu chào giá
1.	Thời hạn hiệu lực của thư chào giá: 30 ngày kể từ thời điểm đóng thầu kể từ 10h ngày/...../2025	
2.	Phạm vi chào giá: Nhà thầu phải chào toàn bộ khối lượng, phạm vi công việc thực hiện của gói thầu.	
3.	Yêu cầu về thời gian giao hàng: - Đảm bảo thực hiện 24/24h (3 ca) tất cả các ngày theo yêu cầu của bên mời thầu. - Hàng ngày bên mời thầu sẽ thông báo kế hoạch mua sắm trước tối thiểu 12 tiếng để nhà thầu chuẩn bị nguồn hàng. Trường hợp nhà thầu không bố trí kịp nguồn hàng dẫn đến chậm tiến độ giao hàng thì nhà thầu bị phạt (khấu trừ vào thanh toán hàng tháng). Mức tiền phạt bằng 20% giá trị khối lượng thực hiện giao mua.	
4.	Yêu cầu và nhân lực: - Nhà cung cấp chứng minh phương án huy động nhân lực tối	

	<p>thiếu 02 lao động (bằng hợp đồng lao động hoặc chứng minh thư nhân dân bản copy) đáp ứng được yêu cầu về khối lượng, tiến độ hàng ngày của bên mời thầu về: cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nấu ăn khi bên mời thầu có nhu cầu để phục vụ kịp thời cho nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của bên mời thầu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, trang bị, phương tiện bảo vệ cá nhân,... để thực hiện công việc và hoàn toàn chịu trách nhiệm về đảm bảo ATVSTP đối với nguồn hàng mình cung cấp; - Trong quá trình thực hiện công việc phải đảm bảo an ninh, trật tự, tài sản, vệ sinh môi trường; không được tự ý đi lại trong khu vực sản xuất; - Bồi thường thiệt hại cho bên mời thầu, nếu làm mất, hư hỏng tài sản, vật tư hàng hóa hoặc tiết lộ bí mật thông tin. 	
5.	<p>Yêu cầu về nghiệm thu thanh toán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh toán mỗi tháng một lần: Thanh toán theo sản lượng nghiệm thu trong tháng trong vòng 20 ngày kể từ khi bên mời thầu nhận đủ chứng từ thanh toán gồm: Biên bản đối chiếu/nghiệm thu khối lượng hàng hóa trong tháng ký giữa Văn đại diện hợp pháp của công ty và Nhà thầu; Bảng xác định giá trị thanh toán (Kèm theo Hợp đồng hoặc Phụ lục hợp đồng), công văn đề nghị thanh toán; hóa đơn tài chính. - Thanh toán bằng chuyển khoản. 	
6.	<p>Thời gian thực hiện hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</p>	

Chúng tôi xin cam kết:

- Chỉ tham gia trong một hồ sơ chào giá này.
- Không, đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc không còn khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
- Nếu hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận chúng tôi cam kết đàm phán và ký hợp đồng đúng theo nội dung dự thảo hợp đồng đính kèm theo HSYC.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu:

(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP LƯƠNG THỰC, THỰC PHẨM,
NGUYÊN LIỆU NẤU ĂN NĂM 2026**

Số: /HĐMB-DAP2

Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 16/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu thực tế của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm tại trụ sở Công ty Cổ phần DAP số 2 - Vinachem, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

1. Đại diện bên mời thầu (sau đây gọi là Bên A) Công ty Cổ phần DAP số 2 – VINACHEM

Đại diện là Ông: **Vũ Việt Tiên** - Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ : Thôn 6, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai

Điện thoại : 0214 3767048 - Fax: 0214 3767047

Mã số thuế : 5300265969

Tài khoản : 0951000999999999 Tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Lào Cai.

2. Đại diện bên nhận thầu (sau đây gọi là Bên B):

Đại diện Ông/Bà: ...

Địa chỉ : ...

Điện thoại : ...

Số tài khoản : ...

MST : ...

SAU KHI ĐÃ THỎA THUẬN, HAI BÊN THỐNG NHẤT HỢP ĐỒNG VỚI CÁC ĐIỀU KHOẢN SAU ĐÂY:

Điều 1. Nội dung công việc:

- Bên A đồng ý mua các loại lương thực, thực phẩm, nguyên liệu nấu ăn (sau đây gọi chung là hàng hoá) và Bên B đồng ý bán, chịu trách nhiệm cung cấp hàng hóa thực hiện 3 ca liên tục tất cả các ngày trong tháng và 24h/ngày, đảm bảo chất lượng, khối lượng, thời gian theo yêu cầu, an toàn vệ sinh thực phẩm và các thoả thuận khác trong hợp đồng.

- Địa điểm thực hiện tại Nhà ăn ca trong Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 Lào Cai thuộc Khu công nghiệp Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Số lượng, chủng loại hàng hóa, đơn giá cung cấp

2.1. Số lượng hàng hóa cung cấp

Theo nhu cầu thực tế đặt hàng của bên A.

2.2. Chất lượng hàng hóa cung cấp

Theo tiêu chuẩn của đơn đặt hàng và đáp ứng các điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

Theo tiêu chuẩn của đơn đặt hàng và đáp ứng các điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.3. Đơn giá hàng hóa

Theo Phụ lục số 01 đính kèm bản Hợp đồng này.

2.4. Hình thức cung cấp:

Bên B cung cấp trực tiếp hàng hoá cho Bên A. Trong trường hợp Bên A có nhu cầu mua hàng hóa ngoài danh mục được nêu tại Phụ lục số 01 đính kèm Hợp đồng này, hai bên sẽ thống nhất số lượng, chất lượng, và đơn giá của hàng hóa mua thêm ngoài danh mục bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian thực hiện hợp đồng: kể từ 01/01/2026 đến hết 31/12/2026.

Trong trường hợp bên A có nhu cầu gia hạn thời gian thực hiện của hợp đồng này, hai bên sẽ bàn bạc và thống nhất ký Phụ lục hợp đồng hoặc Hợp đồng thay thế.

Điều 4. Giá trị hợp đồng và điều khoản thanh toán

4.1 Tổng giá trị hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng tạm tính (đã bao gồm thuế GTGT và giao hàng tại nhà ăn ca DAP2):

Giá trị thanh toán được xác định trên số suất ăn và thực phẩm thực tế phát sinh hàng tháng theo đơn giá hợp đồng.

Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4.2 Phương thức thanh toán:

Theo hình thức chuyển khoản qua số tài khoản ngân hàng của bên B.

4.3 Thời hạn thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B 01 tháng/lần sau 20 ngày kể từ ngày bên B giao đủ lượng hàng hóa của tháng trước đó và hóa đơn tài chính cho bên A.

4.4 Thủ tục thanh toán:

Các tài liệu đính kèm làm căn cứ thanh toán:

- + Hóa đơn tài chính hợp lệ;
- + Biên bản xác nhận chủng loại và số lượng hàng hóa đã giao nhận có chữ ký xác nhận của đại diện hai bên;
- + Công văn đề nghị thanh toán của bên B.

Điều 5. Thời gian và địa điểm giao hàng

5.1 Thời gian giao hàng:

Theo yêu cầu thực tế của bên A.

5.2 Địa điểm giao hàng

Bên B phải bố trí đầy đủ phương tiện giao hàng theo đơn đặt hàng của bên A tại địa chỉ:

Nhà ăn ca tại Nhà máy sản xuất phân bón DAP số 2 thuộc Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem địa chỉ Khu công nghiệp Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng, tỉnh Lào Cai.

Điều 6. Trách nhiệm của hai bên

6.1 Trách nhiệm của bên A

- Đặt hàng trước tối thiểu 01 ngày (12 giờ) so với thời gian giao hàng để cho bên B chuẩn bị hàng hóa.

- Chuẩn bị kho bãi cho bên B giao nhận và bố trí người để kiểm tra và nhận hàng theo đúng quy định.

- Thanh toán cho bên B theo giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 4 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.

6.2 Trách nhiệm của bên B

- Cung cấp đầy đủ giấy tờ chứng minh đủ điều kiện về an toàn vệ sinh thực phẩm, xuất xứ của hàng hóa theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Thông báo để bên A tiến hành điều chỉnh giá nếu giá trên thị trường biến động từ 5% trở lên.

Điều 7. Cung cấp, vận chuyển, kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa

7.1 Bên A sẽ tiến hành kiểm tra chất lượng hàng hóa trước khi giao nhận so với đơn đặt hàng của bên A.

7.2 Trong trường hợp hàng hóa không đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và các yêu cầu khác không đúng như đơn đặt hàng Bên A sẽ không tiến hành giao nhận hàng hóa trên. Bên B có trách nhiệm phải cung cấp bổ sung hàng hóa theo đúng yêu cầu của đơn đặt hàng.

Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng

8.1 Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau:

- a) Thay đổi phương thức vận chuyển;
- b) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- c) Thay đổi thời gian thực hiện hợp đồng;
- d) Các nội dung khác (nếu có và được hai bên thống nhất bằng văn bản).

8.2 Bên A và bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết Phụ lục hoặc hợp đồng bổ sung thay thế trong trường hợp có hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng.

Điều 9. Xử lý vi phạm hợp đồng

9.1 Nếu bên B vi phạm hợp đồng theo các điều khoản về chất lượng, số lượng, tiến độ giao hàng thì bên B sẽ bị phạt 8% giá trị phần hợp đồng vi phạm.

9.2 Trong trường hợp bên B không giao đủ hàng hóa cho bên A theo đúng đơn đặt hàng, bên B sẽ bị phạt 8% / giá trị đơn hàng.

Điều 10. Chấm dứt hợp đồng

10.1 Bên A hoặc bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được bên A gia hạn; Bên B vi phạm quá 05 lần mục 9.2.

b) Bên B bị phá sản, giải thể.

c) Chấm dứt hợp đồng sau khi xảy ra tình huống bất khả kháng.

- Nội dung bất khả kháng nêu trong hợp đồng này được hiểu là bất cứ nguyên nhân nào ngoài tầm kiểm soát và không có lỗi, với sự cố gắng của bên đó cũng không thể ngăn chặn hoặc khắc phục hoặc dự kiến trước được, nhưng không giới hạn như: thiên tai, dịch họa, nổi dậy, đình công, tranh chấp về lao động, lở đất, hỏa hoạn, động đất, bão lụt, sóng thần, điều kiện sông ngòi, cấm vận.

- Khi xảy ra bất khả kháng thì bên B thông báo cho bên A bằng văn bản và có xác nhận của chính quyền địa phương nơi xảy ra bất khả kháng.

10.2 Trong trường hợp bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 điều này, bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

10.3 Trong trường hợp bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 10.1 Điều này, bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo định của hợp đồng và pháp luật hiện hành.

Điều 11 Giải quyết tranh chấp

11.1 Bên A và bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

11.2 Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án kinh tế tỉnh Lào Cai để. Quyết định của Tòa án là phán quyết cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí phát sinh do bên thua kiện chi trả.

Điều 12 Hiệu lực hợp đồng

12.1 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng đến khi hai bên hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ, trách nhiệm được ghi trong hợp đồng này.

12.2 Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN BÁN**ĐẠI DIỆN BÊN MUA**